

Bản án số: 106/2024/HS-ST

Ngày 24 - 4 - 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.*

*Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Đào, bà Lèo Thị Chan, bà Đinh Thị Kim Dung.*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.*

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Cừ A Đ (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 23 tháng 3 năm 1977 tại tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào; Nơi cư trú: Bản M, huyện S, tỉnh Hòa Phấn, nước CHDCND Lào; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Lào; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Cừ A (đã chết); Con bà: Phàng Thị S, sinh năm 1958; Bị cáo có vợ là: Vàng Thị M, sinh năm 1977; Có 05 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2013). Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị D (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 17 tháng 7 năm 1982 tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Áng, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Hoàng Văn C (đã chết); Con bà: Đèo Thị X; Bị cáo có chồng là Vi Văn B, sinh năm 1978; Có 05 con (con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2024). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

ngày 08/11/2023, bị cáo tại ngoại hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Cừ A Đ:* Ông Lò Văn P, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh S, có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị D:* Ông Đàm Mạnh H Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh S, có mặt

*Người phiên dịch:* Bà Cà Thị D1, Trường Cao đẳng S2 có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/10/2023, Hoàng Thị D đi bộ từ nhà ở bản Á, xã Đ, huyện M đến khu vực bản B, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đang đi bộ trên đường D gặp một người đàn ông tự giới thiệu tên L không biết họ tên địa chỉ cụ thể. Qua nói chuyện, L hỏi D có biết ai bán Hồng phiến không, giá cả bán thế nào? D trả lời có, giá khoảng 900.000 đồng/túi. Sau đó hai bên cho nhau số điện thoại để liên lạc, D hẹn khi nào mua được ma túy sẽ thông báo sau.

Chiều ngày 30/10/2023, Cừ A Đ đi bộ từ nhà ở bản M, huyện S, tỉnh Hòa Phăn, Lào sang nhà Thào Thị C1 ở cùng bản M1, huyện S để mua ma túy về sử dụng thì gặp một người đàn ông không quen biết cũng vừa đến nhà C1. Người đàn ông tự giới thiệu tên L là người Việt Nam, L đặt vấn đề với C1 muốn mua 01 bánh Hồng phiến, nhưng do bất đồng ngôn ngữ nên L gọi điện cho Hoàng Thị D. Khi đó D đang làm thuê ở bản B, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La cùng với một người đàn ông tên T trú tại bản Cóc, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau khi nhận được điện thoại của L bảo đến nhà người phụ nữ tên C1, ở bản M, huyện S, tỉnh Hòa Phăn, nước CHDCND Lào để trao đổi mua bán ma túy, D đồng ý. Sau đó D rủ T đi cùng đến nhà C1, khi D đến nhà C1 thì gặp L và Cừ A Đ đang ở trong nhà C1, D vào trong nhà C1 thì thấy L đưa cho Đ một sấp tiền bảo Đ đếm hộ xem có đủ 8.000.000 đồng, để đặt cọc mua một bánh Hồng phiến của C1. Đưa không đếm tiền mà đưa tiền cho D nhờ đếm hộ, D đếm thấy đủ 8.000.000 đồng rồi đưa lại cho Đ, Đ đưa số tiền trên cho C1. L bảo C1 mang bánh Hồng phiến qua biên giới sang Việt Nam đến đường Q, thuộc bản B, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La giao cho L sẽ trả nốt tiền còn thiếu (thiếu bao nhiêu tiền thì D và Đ không biết), C1 đồng ý, rồi L đi về trước. C1 bảo Đ và D mang bánh Hồng phiến sang Việt Nam giao cho L rồi cầm nốt tiền về, Chu hứa sẽ trả tiền công và cho ma túy để sử dụng (Chu không nói rõ sẽ trả bao nhiêu tiền công cũng như số lượng ma túy cụ thể). Đưa và D đồng ý, C1 gọi điện cho con rể là Sòng A S1, trú ở cùng bản bảo sang nhà C1, một lúc sau S1 sang nhà, C1 đưa bánh Hồng phiến cho S1 và bảo đi cùng Đ và D sang Việt Nam bán cho L. S1 cầm bánh Hồng phiến đi bộ cùng Đ, D và T đến khu vực biên giới Việt Nam – Lào thì S1 đưa

bánh H1 phiến cho Đ rồi cùng T quay về nước CHDCND Lào, Đ cầm bánh H1 phiến đi cùng D theo đường mòn về đến bản B, xã L, huyện M thì gặp L đang đứng chờ ở bên đường, Đ đưa bánh H1 phiến cho L. L mở bánh H1 phiến ra kiểm đếm thấy có 28 túi hồng phiến, L cho toàn bộ số H1 phiến vào túi giả da màu nâu mang theo rồi đưa cho D cầm và bảo D đi cùng L để lấy nốt số tiền còn thiếu cho C1. Còn Đ ở đó đợi, D cầm túi H1 phiến lên xe máy do L điều khiển chở D đi được một đoạn thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng, L bỏ chạy thoát. Vật chứng thu giữ: 28 túi nilon bên trong chứa các viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp, thu trong túi sách D đang cầm trên tay (Đ và D đều khai là Hồng phiến), 02 điện thoại di động và 320.000 đồng.

Cùng ngày 31/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M thành lập Hội đồng bóc mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu trung cầu giám định kết quả cân tịnh: 28 túi nilon bên trong chứa 5.201 viên, có tổng khối lượng 535,90 gam, trích lấy 140 viên khối lượng 14,43 gam làm mẫu giám định ký hiệu D1 đến D28.

Tại Bản kết luận giám định số 2501/KLGĐ ngày 02/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận:

“Mẫu ký hiệu từ D1 đến D28 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 535,90 gam, loại Methamphetamine.”

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã có công văn đề nghị Công an tỉnh H nước CHDCND Lào điều tra, xác minh, xử lý đối với Thào Thị C1 và Sòng A S1 theo quy định của pháp luật nước CHDCND Lào và gửi kết quả xác minh cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S.

Đối với người đàn ông tên L là người mua ma túy của Thào Thị C1 quá trình điều tra các bị cáo Cú A Đ và Hoàng Thị D khai không biết họ tên và địa chỉ cụ thể của L, D không lưu và không nhớ số điện thoại của L vì mỗi lần L sử dụng các số điện thoại khác nhau để liên lạc. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S không có căn cứ để tiếp tục điều tra mở rộng vụ án.

Đối với người thanh niên dân tộc Mông, tên T trú tại bản Cóc, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. Theo bị cáo Hoàng Thị D khai Tét khoảng từ 8 đến 14 tuổi, bố mẹ đã chết, hiện nay T đi làm con nuôi cho một gia đình ở bản M, huyện S, tỉnh Hòa Phăn nước CHDCND Lào. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã phối hợp với Công an xã Đ huyện M tiến hành xác minh về đối tượng tên Tét. Kết quả, theo dữ liệu quốc gia về dân cư do xã Đ, huyện M quản lý thể hiện không có đối tượng nào tên T có đặc điểm nhân thân như trên.

Tại Bản Cáo trạng số 49/CT-VKS-P1 ngày 25/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Cú A Đ và Hoàng Thị D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tại phiên

tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Cự A Đ, Hoàng Thị D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cự A Đ tù chung thân;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s, n khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị D tù chung thân; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy 521,47 gam Methamphetamine còn lại sau giám định, cùng các vỏ niêm phong ban đầu; 02 que Test thử ma túy của các bị cáo không có giá trị sử dụng; 01 Chiếc túi da màu nâu có một dây đeo, đã qua sử dụng cũ.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia T1000 màu đen, cùng 01 sim điện thoại;

+ Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị D: Số tiền 320.000 đồng (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu 4G VOLTET màu đen, cùng 02 sim điện thoại;

- Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

\* Tại phiên tòa:

- 02 Luật sư bào chữa cho các bị cáo Cự A Đ, Hoàng Thị D đều nhất trí Cáo trạng truy tố và luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với bị cáo Cự A Đ là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Thị D là phụ nữ khi phạm tội đang mang thai, hiện con còn nhỏ dưới 01 tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn, để bị cáo có cơ hội sớm trở về đoàn tụ với gia đình và xã hội.

- Các bị cáo đều nhất trí với quan điểm bào chữa của luật sư, tỏ ra ăn năn, hối cải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

[2.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lẫn nhau, đều thể hiện: Ngày 31/10/2023 Cú A Đ và Hoàng Thị D có hành vi mang 535,90 gam ma túy loại Methamphetamine từ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Việt Nam để bán kiếm lời.

[2.2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lẫn nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ như sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 01 giờ 15 phút, ngày 31/10/2023, tại bản B, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La đối với các bị cáo Cú A Đ và Hoàng Thị D; cùng vật chứng thu giữ gồm 28 túi nilon bên trong chứa 5.201 viên, có tổng khối lượng 535,90 gam. Kết luận giám định số 2502/KLGD ngày 02/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận: “Mẫu ký hiệu từ D1 đến D28 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

[2.3] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Cú A Đ và Hoàng Thị D đã bán trái phép 535,90 gam Methamphetamine nhằm mục đích kiếm lời đã trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Khi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Cú A Đ và Hoàng Thị D đã phạm tội với khối lượng 535,90 gam Methamphetamine đã vi phạm tình tiết định khung “*Heroine, Cocaine, Methamphetamine, ... có khối lượng 100 gam trở lên*”, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ



trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Cú A Đ1 tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án nên được xem xét là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Thị D khi phạm tội đang mang thai nên được xem xét là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đánh giá về tính chất, mức độ, vai trò phạm tội:

[5.1] Về vai trò của các bị cáo: Vụ án có đồng phạm, cả 02 bị cáo đều là người nghiện ma túy, với mục đích có ma túy để sử dụng và kiếm lời, cả 02 bị cáo đã nhận lời mang ma túy của đối tượng người Lào mang sang Việt Nam bán cho đối tượng người Việt Nam. Do đó cả 02 bị cáo đều là đồng phạm thực hành có vai trò ngang nhau.

[5.2] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, đảm bảo tính trừng trị, răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Sơn La.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự; xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản có giá trị và không có khả năng thi hành án, nên chấp nhận đề nghị của người bào chữa, Kiểm sát viên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Do bị cáo là người nước ngoài nên trục xuất bị cáo Cú A Đ ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản của vụ án:

[7.1] Đối với 521,47 gam Methamphetamine còn lại sau giám định, đây là chất ma túy Nhà nước cấm lưu hành, 02 que test thử ma túy, cùng các vỏ niêm phong, vỏ nilon ban đầu, là các đồ vật không có giá trị sử dụng (Đã được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật), 01 chiếc túi da màu nâu có một dây đeo đã qua sử dụng, giá trị sử dụng thấp cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia T1000 màu đen, cùng 01 sim điện thoại; 01 điện thoại di động nhãn hiệu 4G VOLTET màu đen, cùng 02 sim điện thoại 01; bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

[7.3] Đối với số tiền 320.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*) (đã niêm phong) thu giữ của bị cáo D xét thấy không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Hoàng Thị D.

[8] Về các đối tượng liên quan.

Về nguồn gốc 535,90 gam Methamphetamine, bị cáo Cừ A Đ và Hoàng Thị D đều khai là của Thào Thị C1 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã có công văn đề nghị Công an tỉnh H nước CHDCND Lào điều tra, xác minh, xử lý đối với Thào Thị C1 và Sòng A S1 theo quy định của pháp luật nước CHDCND Lào và gửi kết quả xác minh cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S

Đối với người đàn ông tên L là người mua ma túy của Thào Thị C1 quá trình điều tra các bị cáo Cừ A Đ và Hoàng Thị D khai không biết họ tên và địa chỉ cụ thể của L đối với người thanh niên dân tộc Mông, tên T. Kết quả, theo dữ liệu quốc gia về dân cư do xã Đ, huyện M quản lý thể hiện không có đối tượng nào tên T có đặc điểm nhân thân như trên. Do đó, không có căn cứ để tiếp tục điều tra mở rộng vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo Cừ A Đ, Hoàng Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Điều 37; Điều 39 Bộ luật Hình sự:

+ Tuyên bố bị cáo Cừ A Đ phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Xử phạt bị cáo Cừ A Đ: Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 31/10/2023. Trục xuất bị cáo Cừ A Đ ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 58 Điều 39 Bộ luật Hình sự:

+ Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị D phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Thị D: Tù chung thân, bị cáo được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**2. Về vật chứng vụ án:** Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

### **2.1. Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước ghi: “Vật chứng vụ: Hoàng Thị D và Cự A Đ bắt ngày 31/10/2023 (Vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 23 túi nilon màu xanh và 05 túi nilon màu hồng có ký hiệu từ Đ1 đến Đ28 bên trong chứa tổng số viên nén màu hồng là 5061 viên, có tổng khối lượng 521,47 gam)”. Mặt sau, tại mép dán phong bì dán giấy niêm phong của Công an tỉnh S từ số: 072906, 072907, 072908, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên của thành phần tham gia niêm phong và 08 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an huyện M tỉnh Sơn La.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước ghi: “Test thử ma túy của Hoàng Thị D ngày 31/10/2023, KQ: Dương tính”. Tại mép dán của mặt sau phong bì dán giấy niêm phong của Công an tỉnh S số 072909, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên của thành viên niêm phong và 03 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an huyện M tỉnh Sơn La.

- 01 (Một) chiếc phong bì nguyên niêm phong, mặt trước ghi: “Test thử ma túy của Cự A ngày 31/10/2023, kết quả: Dương tính”. Tại mép dán của mặt sau phong bì dán giấy niêm phong của Công an tỉnh S số 072905, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên của thành viên niêm phong và 03 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an huyện M tỉnh Sơn La.

- 01 (Một) chiếc túi da màu nâu có một dây đeo, đã qua sử dụng cũ.

### **2.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:**

- 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia T1000 màu đen, gắn kèm 01 sim (thu giữ của Hoàng Thị D. Tại thời điểm giao nhận không kiểm tra được thông tin, số I sê ri và tình trạng hoạt động của điện thoại; Hai bên giao nhận đã niêm phong chiếc điện thoại kèm sim vào một phong bì để bảo quản theo quy định.

- 01 (một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu 4G VOLTET màu đen, gắn kèm 02 sim điện thoại (thu giữ của Hoàng Thị D. Tại thời điểm giao nhận không kiểm tra được thông tin, số sê ri và tình trạng hoạt động của điện thoại; Hai bên giao nhận đã niêm phong chiếc điện thoại vào một phong bì để bảo quản theo quy định.

**2.3. Trả lại cho Hoàng Thị D:** Số tiền 320.000 đồng (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*) thu giữ của Hoàng Thị D (đã được niêm phong trong 01 phong bì).

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Cự A Đ và Hoàng Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo Cự A Đ, Hoàng Thị D được quyền



kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/4/2024).

***Nơi nhận***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Luật sư;
- Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao;
- Sở Ngoại vụ Sơn La;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lại Thị Hiếu**